|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TÀI CHÍNH  **TỔNG CỤC HẢI QUAN** | *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA**

**DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TƯ SỐ 12/TT-BTC**

*(Theo công văn số 4890/TCHQ-GSQL ngày 21/8/2018 về việc lấy ý kiến tham gia (lần thứ 2))*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Quy định của Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2015/TT-BTC** | **Nội dung vướng mắc/ kiến nghị** | **Đề xuất của TCHQ** |
|  | **Căn cứ pháp lý của Thông tư** | - Đề nghị thống nhất cách ghi ngày, tháng, năm ban hành văn bản được sử dụng làm căn cứ pháp lý**(Vụ Pháp chế)** | - Tiếp thu, sửa đổi tại dự thảo. |
|  | **Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan:**  **1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:**  **a) Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:**  1. Hồ sơ dự thi  a) Hồ sơ đăng ký dự thi lần đầu để lấy Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, người dự thi nộp một (01) bộ hồ sơ, bao gồm:  a.1) Phiếu đăng ký dự thi theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;  a.2) Bằng tốt nghiệp ***cao đẳng trở lên đáp ứng điều kiện làm nhân viên đại lý hải quan theo quy định***: 01 bản sao có chứng thực;  a.3) Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu: 01 bản sao có chứng thực;  a.4) 02 ảnh 3x4 có ghi rõ họ, tên, năm sinh ở mặt sau của ảnh (01 ảnh dán vào phiếu đăng ký dự thi, 01 ảnh dán vào chứng chỉ khi được cấp). | **-** Tại khoản 1 Điều 1 Dự thảo (Sửa đổi, bổ sung Điều 3) đề nghị sửa quy định điểm a khoản 1 Điều 3: *“…a.2) Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên đáp ứng điều kiện nhân viên đại lý hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Hải quan năm 2014: 01 bản sao có chứng thực;*  *a.3) Giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu: 01 bản sao có chứng thực.”***(Cục HQ tỉnh Hà Giang)** | - Tiếp thu, sửa đổi tại dự thảo. |
|  | **-** Tại điểm a khoản 1 Điều 1 Dự thảo (Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3): Tại điểm a khoản 1 Điều 3 đề nghị bỏ cụm từ “lần đầu” sau cụm từ “hồ sơ đăng ký dự thi” **(Cục HQ TP.Hà Nội)** | - Tiếp thu, sửa đổi tại dự thảo. |
|  | **-** Tại điểm a khoản 1 Điều 1 Dự thảo (Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3) tại điểm a.2 đề nghị giữ nguyên như điểm a.2 khoản 1 Điều 3 Thông tư 12/2015/TT-BTC. **(Vụ Pháp chế; HQ Khánh Hòa).** | - Tiếp thu, sửa đổi tại dự thảo. |
|  | **-** Tại điểm a khoản 1 Điều 1 Dự thảo (Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3) tại điểm a.2 Đề nghị giữ nguyên như Thông tư 12/2015/TT-BTC. Lý do: + Điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Hải quan quy định nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan phải “có trình độ chuyên môn của nhân viên đại lý chỉ được thể hiện thông qua bằng tốt nghiệp chuyên ngành mà họ đã được đào tạo.  + Nếu quy định như dự thảo, Thông tư đã hướng dẫn mở rộng đối tượng so với Luật. Một số chuyên ngành đào tạo có thể không phù hợp với tính chất, yêu cầu công việc của nhân viên đại lý như nghệ thuật, thể thao…  + Nếu quy định như dự thảo (bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên đáp ứng điều kiện làm nhân viên đại lý hải quan theo quy định), khi thực hiện, cơ quan hải quan vẫn phải yêu cầu họ chứng minh có trình độ cao đẳng kinh tế, luật, kỹ thuật trở lên.**(Cục HQ TP.Hà Nội)** | - Tiếp thu, sửa đổi tại dự thảo |
|  | **-** Tại khoản 1 Điều 1 Dự thảo Thông tư (Sửa đổi, bổ sung Điều 3) đề nghị bỏ quy định về giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc căn cước công dân cho phù hợp với quy định tại Mục II phần A phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính ban hành kèm theo Nghị quyết 104/NQ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ. **(Vụ Pháp chế)** | - Tiếp thu, sửa đổi tại dự thảo. |
|  | **b) Sửa đổi khoản 7 như sau:**  “7. Trường hợp miễn thi  Người dự thi phải tham dự thi đủ các môn thi quy định tại khoản 6 Điều này, trừ các trường hợp sau đây được miễn thi một hoặc một số môn thi:  a) Người đã làm giảng viên thuộc chuyên ngành hải quan tại các trường đại học, cao đẳng có thời gian công tác liên tục từ 05 năm trở lên, sau khi thôi làm giảng viên (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) mà đăng ký dự thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc được miễn thi môn Pháp luật về hải quan và môn Kỹ thuật nghiệp vụ hải quan.  b) Người đã làm giảng viên thuộc chuyên ngành kinh tế ngoại thương hoặc thương mại quốc tế tại các trường đại học, cao đẳng có thời gian công tác liên tục từ 05 năm trở lên, sau khi thôi làm giảng viên (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) mà đăng ký dự thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc được miễn thi môn Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương.  c. Cán bộ, công chức làm việc trong ngành hải quan giữ ngạch kiểm tra viên chính, kiểm tra viên cao cấp sau khi không làm việc (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) được miễn thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc.” | - Tại điểm b, khoản 1, Điều 1 của Dự thảo sửa đổi, bổ sung thông tư số 12 12/2015/TT-BTC quy định “*Kiểm tra viên cao cấp sau khi không làm việc (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) được miễn thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc”.* Đối chiếu với quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch kiểm tra viên cao cấp hải quan được quy định tại Điều 15 [Thông tư 09/2010/TT-BNV](https://thukyluat.vn/vb/thong-tu-09-2010-tt-bnv-tieu-chuan-nghiep-vu-cac-ngach-cong-chuc-chuyen-nganh-1b55d.html#dieu_15) thì công chức hải quan giữ ngạch Kiểm tra viên cao cấp vừa có chuyên môn sâu về lĩnh vực hải quan, vừa có kinh nghiệm, kiến thức, quản lý tổng thể…. nên đề nghị bỏ việc giới hạn 03 năm trong việc miễn thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan mà sửa thành miễn thi đối với các công chức hải quan đã từng giữ ngạch công chức Kiểm tra cao cấp **(Cục HQ Thừa Thiên – Huế).** | - Tiếp thu, sửa đổi tại dự thảo. |
|  | **-** Tại điểm b, khoản 1 Điều 1 dự thảo Thông tư sửa đổi khoản 7 Điều 3: đề nghị bổ sung trong trường hợp miễn thi là: “*cán bộ, công chức làm việc trong ngành hải quan giữ ngạch kiểm tra viên hải quan từ 09 năm trở lên...”* Lý do: những cán bộ, công chức này đáp ứng một trong những điều kiện dự thi ngạch kiểm tra viên chính.**(Cục HQ tỉnh Đắk Lăk).** | - Không tiếp thu vì thời gian giữ ngạch kiểm tra viên hải quan từ 9 năm trở lên chỉ là một trong những điều kiện dự thi ngạch kiểm tra viên chính, không tương đương ngạch kiểm tra viên chính. |
|  | **-** Tại điểm b, khoản 1 Điều 1 dự thảo Thông tư sửa đổi khoản 7 Điều 3 đề nghị sửa như sau: *“c. Công chức giữ ngạch kiểm tra viên 09 năm, kiểm tra viên chính, kiểm tra viên cao cấp sau khi không làm việc (không bao gồm trường hợp kỷ luật buộc thôi việc) được miễn thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc”* Lý do: ngành Hải quan không có chức danh “cán bộ hải quan” **(Cục ĐTCBL)** | - Tiếp thu một phần, sửa đổi tại dự thảo. Đối với nội dung “*công chức giữ ngạch kiểm tra viên 09 năm”* đã giải thích ở ý kiến tham gia của HQ tỉnh Đắk Lăk. |
|  | **-** Tại điểm b, khoản 1 Điều 1 dự thảo Thông tư sửa đổi khoản 7 Điều 3: đề nghị sửa như sau: *“c. Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong ngành hải quan giữ ngạch từ kiểm tra viên hải quan, giảng viên trở lên và có thời gian công tác liên tục trong ngành hải quan từ năm (05) năm trở lên, khi thôi công tác trong ngành hải quan (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc mà đăng ký với Tổng cục Hải quan để xét cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan”.* Lý do: Theo như dự thảo thì chỉ có cán bộ, công chức giữ ngạch kiểm tra viên chính, kiểm tra viên cao cấp sau khi không làm việc thì mới được miễn thi. Như vậy, có sự không công bằng giữa các ngạch công chức với nhau, giữa các chế độ công chức, viên chức trong ngành hải quan và giữa các ngành với nhau (ngành Thuế và ngành Hải quan). Ngoài ra, sửa đổi như trên phù hợp với quy định tại Thông tư 51/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung ngày 19/05/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19/07/2012 hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục thuế. **(Vụ Thanh tra – Kiểm tra)** | - Không tiếp thu; do nhiều trường hợp công chức làm việc trong ngành giữ ngạch từ kiểm tra viên hải quan, giảng viên trở lên và có thời gian công tác liên tục trong ngành từ năm (05) năm trở lên nhưng chưa đảm bảo khối lượng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ do thực tế công việc được phân công trong thời gian công tác. |
|  | **c)Sửa đổi điểm b khoản 9 như sau:**  “b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ thi, Hội đồng thi thông báo công khai kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, báo Hải quan điện tử và niêm yết tại trụ sở Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi tiếp nhận hồ sơ dự thi.  Trường hợp không đồng ý với kết quả thi do Hội đồng thi thông báo, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi, người dự thi nộp đơn đề nghị phúc khảo môn thi. Ngày nhận đơn phúc khảo là ngày Hội đồng thi trực tiếp nhận đơn phúc khảo hoặc ngày đóng dấu đến của bưu điện. Sau thời gian quy định trên, đơn đề nghị phúc khảo sẽ không được giải quyết. Hội đồng thi tổ chức phúc khảo bài thi theo quy chế của Hội đồng và thông báo kết quả phúc khảo trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, báo Hải quan điện tử và niêm yết tại trụ sở Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi tiếp nhận hồ sơ dự thi.  Trường hợp có 03 môn thi đạt yêu cầu, Hội đồng thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo quy định tại Điều 4 Thông tư này và không gửi Giấy chứng nhận điểm thi.” | **-** Tại điểm c khoản 1 Điều 1 Dự thảo Thông tư (Sửa đổi điểm b khoản 9 Điều 3) đề nghị sửa đổi ngày nhận đơn phúc khảo theo đường bưu điện: “Ngày nhận đơn phúc khảo là ngày Hội đồng thi trực tiếp nhận đơn hoặc ngày ***~~đóng dấu đến của bưu điện~~*có dấu của bưu điện nơi gửi**” **(Vụ Pháp chế)** | - Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo. |
|  | **d) Bãi bỏ quy định về bảo lưu kết quả thi tại điểm c khoản 9 Điều 3.** | - Tại điểm d, Khoản 1, Điều 1 Thông tư sửa đổi quy định: *“Bãi bỏ quy định về bảo lưu kết quả thi tại điểm c khoản 9 Điều 3”*. Đề nghịgiữ lại quy định này. **(Cục HQ tỉnh Lào Cai – Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Nghĩa Anh)** | - Không tiếp thu vì lý do đã được giải thích tại điểm b khoản 2 mục IV Tờ trình kèm theo. |
|  | **2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:**  **a) Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:**  “a) Người có 03 môn thi đạt yêu cầu theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 3 Thông tư này được cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.” |  |  |
|  | **b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:**  “a) Đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Trong thời hạn 30 ngày ***kể từ ngày có kết quả thi chính thức***, Hội đồng thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo mẫu số 03A ban hành kèm Thông tư này.” |  |  |
|  | **c) Sửa đổi tiết b.1 điểm b khoản 2 như sau:**  “b.1) Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nghỉ hưu hoặc nghỉ việc hoặc chuyển công tác, cá nhân có nhu cầu cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan có văn bản đề nghị gửi Tổng cục Hải quan (trong đó nêu rõ thời gian, quá trình công tác; ***ngạch công chức***; số quyết định nghỉ hưu hoặc nghỉ việc hoặc chuyển công tác, nơi sinh hoạt hiện nay), gửi kèm 01 ảnh 3x4 có ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh.” |  |  |
|  | **d) Bổ sung thêm điểm c khoản 2 như sau:**  “c) Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan có giá trị trong thời hạn năm (05) năm kể từ ngày cấp. Trường hợp trong thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp, cá nhân đã được cấp mã nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thì khi đề nghị cấp mới tại đại lý làm thủ tục hải quan khác; cấp lại hoặc gia hạn phải có giấy chứng nhận tham gia khóa đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật hải quan theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 12/2015/TT-BTC và khoản 6 Điều này.” | - Tại điểm d khoản 2 Điều 1 Dự thảo Thông tư (bổ sung thêm điểm c khoản 2) đề nghị bỏ quy định về thời hạn của Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan. Lý do, người làm khai hải quan thực hiện hoạt động dịch vụ. Chất lượng dịch vụ thể hiện kết quả tồn tại và phát triển của hoạt động đó. Theo thông lệ không cần thiết phải quy định về thời hạn đối với loại Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan. **(Cục ĐTCBL).** | * Không tiếp thu. Trường hợp cá nhân đã được cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan nhưng trong thời hạn 05 năm không hoạt động trong lĩnh vực này thì chứng chỉ sẽ không còn giá trị để thực hiện việc cấp mã. |
|  | - Tại điểm d, khoản 2 Điều 1 Dự thảo Thông tư (bổ sung điểm c khoản 2 điều 4): đề nghị sửa lại: *“…Trường hợp trong thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp, cá nhân đã được cấp mã nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan* ***khi đề nghị*** *cấp mới tại đại lý làm thủ tục hải quan khác, cấp lại hoặc gia hạn phải có giấy chứng nhận…”***(Cục HQ tỉnh Quảng Bình)** |  |
|  | - Tại điểm d, khoản 2 Điều 1 Dự thảo Thông tư (bổ sung điểm c khoản 2 điều 4):  Vướng mắc: + Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan hết hạn được xử lý như thế nào? Trường hợp thi cấp mới gây tốn kém cho cá nhân, doanh nghiệp; mất thời gian và chi phí để đi nộp hồ sơ, đi thi, đi lấy chứng chỉ,…Gia hạn: đề nghị quy định rõ điều kiện, thủ tục xin cấp lại chứng chỉ khai hải quan.  + Trong thời hạn chuyển tiếp giữa 02 Thông tư, đối với cá nhân đã được cấp mã số nhân viên đại lý Hải quan mà mã số nhân viên đại lý vẫn còn hiệu lực (có thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp), nhưng chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đã hết hạn thì giải quyết như thế nào?  Kiến nghị: Đề nghị Thông tư quy định về thủ tục gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đối với trường hợp không có mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan và bổ sung phương án giải quyết đối với trường hợp 2 nêu trên. **(Công ty TNHH Mascot Việt Nam)** | * Tiếp thu một phần, sửa đổi tại dự thảo. |
|  | **e) Sửa đổi khoản 3 như sau:**  “3. Việc cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được thực hiện trực tiếp tại nơi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; trường hợp người được cấp ủy quyền cho người khác nhận thay thì phải có giấy ủy quyền được xác nhận của đơn vị hoặc cơ quan có thẩm quyền.” | - Tại điểm e, khoản 2, Điều 1, đề nghị giữ nguyên khoản 3 Điều 4 Thông tư số 12/2015/TT-BTC lý do vì các thí sinh dự thi trong cả nước tập trung về một tỉnh thi và sau 30 ngày kể từ ngày có kết quả chính thức Hội đồng thi mới cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho những thí sinh đạt yêu cầu theo quy định, nếu chứng chỉ không được gửi qua đường bưu điện mà tới tận nơi cấp chứng chỉ nhận sẽ phát sinh rất nhiều chi phí cho thí sinh. **(Cục HQ Thừa Thiên – Huế).** | - Tiếp thu một phần. Quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 12/2015/TT-BTC dẫn đến trường hợp thất lạc chứng chỉ/ phát sinh chi phí cho cơ quan hải quan; việc yêu cầu thí sinh nhận chứng chỉ trực tiếp tại nơi cấp sẽ đảm bảo không thất lạc chứng chỉ nhưng phát sinh chi phí cho thí sinh. Hội đồng thi xem xét cho phép thí sinh đăng ký nhận chứng chỉ qua dịch vụ chuyển phát nhanh (thí sinh nộp phí cho tổ chức chuyển phát nhanh) |
|  |  | **Đề nghị sửa điểm đ khoản 1 Điều 5 Thông tư 12/2015/TT-BTC:** Vì theo quy định của pháp luật hiện hành, không còn quy định các trường hợp xét miễn thuế, xét giảm thuế, xét hoàn thuế **(Cục Thuế XNK)** | Tiếp thu, bổ sung vào dự thảo. |
|  | **3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:**  “2. Đại lý làm thủ tục hải quan (giám đốc hoặc người được giám đốc ủy quyền theo quy định của pháp luật) phải ký hợp đồng đại lý với chủ hàng; người được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện việc khai và làm thủ tục hải quan trên cơ sở hợp đồng đại lý đã ký với chủ hàng; đại lý làm thủ tục hải quan xuất trình hợp đồng đại lý cho cơ quan hải quan khi ***phát sinh chủ hàng mới hoặc hợp đồng nguyên tắc mới hoặc khi lần đầu làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan hoặc khi*** xác định hành vi vi phạm pháp luật về hải quan. Giám đốc đại lý hoặc người được giám đốc ủy quyền theo quy định của pháp luật thực hiện việc ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan khi thực hiện các công việc quy định tại khoản 1 Điều này.” | - Tại khoản 3 Điều 1 Dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 12/2015/TT-BTC: Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau: “Đại lý làm thủ tục hải quan là doanh nghiệp thay mặt chủ hàng thực hiện công việc được chủ hàng ủy quyền theo hợp đồng đại lý và trong phạm vi nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Hải quan.  Lý do: Quy định như Thông tư 12/2015/TT-BTC là không cần thiết, vừa thiếu vừa thừa. Đề xuất đưa quy định về quyền, trách nhiệm của Đại lý hải quan tại Điều 13 Thông tư 12/2015/TT-BTC vào thành một điều. **(Cục HQ TP.Hà Nội)** | - Tiếp thu, bổ sung tại dự thảo. |
|  | - Tại khoản 3 Điều 1 Dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 12/2015/TT-BTC quy định: *“đại lý làm thủ tục hải quan xuất trình hợp đồng đại lý cho cơ quan hải quan khi* ***phát sinh chủ hàng mới hoặc hợp đồng nguyên tắc mới hoặc khi lần đầu làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan*** *hoặc khi xác định hành vi vi phạm pháp luật về hải quan.”*. Vướng mắc: Quy định trên không nêu rõ doanh nghiệp phải xuất trình hợp đồng đại lý bản chính hay bản chụp. Đề xuất bổ sung: *“Đại lý làm thủ tục hải quan nộp hợp đồng đại lý cho cơ quan hải quan dưới dạng chứng từ điện tử đối với trường hợp mở tờ khai điện tử, nộp bản chụp đối với trường hợp mở tờ khai giấy.”***(Cục HQ TP.Hải Phòng)** | - Tiếp thu, bổ sung tại dự thảo. |
|  | - Tại khoản 3 Điều 1 Dự thảo Thông tư (Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5):  - Đề nghị bỏ cụm từ trong ngoặc đơn (giám đốc hoặc người được giám đốc ủy quyền theo quy định của pháp luật)  Lý do: + Đây là quy định về trách nhiệm và mối quan hệ của đại lý hải quan với chủ hàng. Quy định về người đại diện của đại lý hải quan đã được quy định cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật khác như Bộ Luật dân sự, các luật về doanh nghiệp…  + Nếu giữ nguyên quy định như hiện tại sẽ không phù hợp với chức danh của một số loại hình doanh nghiệp có người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc,…  **-** Đề nghị sửa cụm từ *“phát sinh chủ hàng mới hoặc hợp đồng nguyên tắc mới hoặc khi lần đầu làm thủ tục hải quan tại Chi cục hải quan hoặc khi”* bằng cụm từ *“khi lần đầu làm thủ tục hải quan cho từng chủ hàng tại Chi cục Hải quan hoặc khi”*  Lý do: Quy định như dự thảo thực chất vẫn là một nội dung yêu cầu Đại lý hải quan phải xuất trình hợp đồng đại lý cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hải quan lần đầu đối với từng chủ hàng.  **-** Đề nghị quy định bổ sung trách nhiệm xuất trình cho cơ quan hải quan hợp đồng đại lý, phụ lục hợp đồng đại lý khi có sửa đổi, bổ sung hợp đồng đại lý đã xuất trình lần đầu.  **(Cục HQ TP.Hà Nội)** | - Tiếp thu, bổ sung tại dự thảo. |
|  | **4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:**  “1. Doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan lập hồ sơ đề nghị công nhận đủ điều kiện làm đại lý làm thủ tục hải quan gửi Tổng cục Hải quan. Hồ sơ gồm:  a) Thông báo đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 04 ban hành kèm Thông tư này: 01 bản chính;  b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư ***mới nhất tại thời điểm nộp hồ sơ***: 01 bản chụp;  c) Hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này.  Các chứng từ bản chụp do Giám đốc đại lý làm thủ tục hải quan ký tên, đóng dấu xác nhận ***hoặc có công chứng hoặc có chứng thực***.” | - Đề nghị bổ sung giấy tờ chứng minh doanh nghiệp có hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng điều kiện để thực hiện khai hải quan điện tử.  Lý do: Đây là điều kiện là đại lý hải quan làm thủ tục hải quan được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan.  - Đề xuất bổ sung trình tự, thủ tục kiểm tra, đối chiếu giữa hồ sơ và thực tế các điều kiện về địa chỉ trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin… Đồng thời, đề xuất bổ sung quy định để CụcHải quan tỉnh, thành phố tham gia kiểm tra, đánh giá.  Lý do: Theo quy định hiện nay, sau khi ban hành quyết định công nhận, Tổng cục Hải quan giao cho Cục Hải quan tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi doanh nghiệp đóng trụ sở quản lý, theo dõi, tiếp nhận báo cáo định kỳ. Tuy nhiên, vì không tham gia thủ tục công nhận, Cục Hải quan tỉnh thành phố không có căn cứ, điều kiện để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.  **(Cục HQ TP.Hà Nội)** | - Không tiếp thu vì yêu cầu bổ sung giấy tờ chứng minh doanh nghiệp có hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng điều kiện để thực hiện khai hải quan điện tử sẽ làm tăng số lượng chứng từ trong hồ sơ. Chưa đáp ứng yêu cầu đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Nghị quyết 19 của Chính phủ. |
| **5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:**  “1. Tạm dừng hoạt động  a) Khi ***có cơ sở chứng minh*** đại lý làm thủ tục hải quan hoạt động không đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Hải quan hoặc không hoạt động ***đúng tên và địa chỉ*** đã đăng ký với cơ quan hải quan, Tổng cục Hải quan quyết định tạm dừng hoạt động theo mẫu số 06 ban hành kèm Thông tư này.  b) Sau khi bị tạm dừng làm thủ tục hải quan, nếu đại lý làm thủ tục hải quan có công văn đề nghị, Cục Hải quan tỉnh, thành phố kiểm tra, xác minh đáp ứng đủ điều kiện thì báo cáo Tổng cục Hải quan có văn bản xác nhận để đại lý làm thủ tục hải quan được tiếp tục hoạt động.  c) Trong thời hạn 06 tháng, nếu đại lý làm thủ tục hải quan không khắc phục và không có văn bản đề nghị***tiếp tục hoạt động***, Tổng cục Hải quan ra quyết định chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều này. | **-** Tại khoản 5 Điều 1 Dự thảo Thông tư (Sửa đổi, bổ sung Điều 7): Tại điểm a khoản 1 Điều 7 quy định Tổng cục Hải quan ra **Quyết định tạm dừng hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan và có mẫu ban hành kèm theo.** Tại điểm b khoản 1 quy định khi đại lý làm thủ tục hải quan có công văn đề nghị và đáp ứng đủ điều kiện thì Tổng cục Hải quan có văn bản xác nhận để đại lý làm thủ tục hải quan được tiếp tục hoạt động. Đề nghị sửa đổi điểm b khoản 1 theo hướng: *Khi đại lý làm thủ tục hải quan có đơn đề nghị và đáp ứng đủ điều kiện thì Tổng cục Hải quan ra Quyết định hủy quyết định tạm dừng hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan* và mẫu kèm theo cho phù hợp giữa hai quy định. **(Vụ Pháp chế).** | - Không tiếp thu. Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan bị tạm dừng hoạt động có nhu cầu hoạt động trở lại thì phải có văn bản đề nghị, Cục Hải quan địa phương kiểm tra thực tế về điều kiện hoạt động, xác nhận với Tổng cục làm cơ sở để TCHQ xem xét cho phép tiếp tục hoạt động lại. |
| Tại khoản 5 Điều 1 Dự thảo Thông tư (Sửa đổi, bổ sung Điều 7):  - Đề nghị bổ sung thời hạn tạm dừng hoạt động tối đa là 6 tháng  - Đề nghị bổ sung tạm dừng hoạt động đối với trường hợp trong thời hạn 6 tháng liên tiếp đại lý hải quan không thực hiện thủ tục hải quan với tư cách đại lý hải quan  - Đề nghị chuyển điểm c khoản 1 Điều 7 sang khoản 2. Lý do: Đây là quy định về trường hợp chấm dứt hoạt động của đại lý hải quan.**(Cục HQ TP.Hà Nội)** | - Không tiếp thu vì theo quy định hiện hành TCHQ tạm dừng hoạt động trong thời hạn 6 tháng (tương đương tối đa trong thời gian 6 tháng).   * Không tiếp thu vì tại tiết a6 điểm a khoản 2 điều 7 đã có. Nội dung quy định tại điểm này nhằm quy định chế tài đối với trường hợp quá thời hạn tạm dừng 6 tháng nhưng không khắc phục vi phạm. |
| **5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:**  2. Chấm dứt hoạt động  a) Đại lý làm thủ tục hải quan bị chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:  a.1) ***Bị xử lý về*** hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế hoặc thông đồng với chủ hàng để buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế;  a.2) Đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện chế độ báo cáo ***không đúng, đủ về nội dung và không đúng thời hạn*** với cơ quan hải quan ***từ*** 03 lần ***trở lên*** theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;  ***a.3) Cung cấp dịch vụ làm thủ tục hải quan mà không ký hợp đồng đại lý với chủ hàng;***  ***a.4) Có gian lận trong việc cung cấp hồ sơ đề nghị công nhận đại lý làm thủ tục hải quan hoặc hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho cơ quan hải quan;***  a.5) Sử dụng bộ chứng từ không phải do chủ hàng cung cấp để làm thủ tục hải quan xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;  a.6) Thuộc trường hợp nêu tại điểm c khoản 1 Điều này;  a.7) ***Đại lý làm thủ tục hải quan chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản, tạm ngừng hoạt động***;  a.8) Đại lý làm thủ tục hải quan có văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động. | - Tại khoản 5 Điều 1 Dự thảo Thông tư (Sửa đổi, bổ sung Điều 7): Tại điểm a.1 khoản 2 Điều 7 quy định việc chấm dứt hoạt động đại lý hải quan khi “bị xử lý về hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế”. Đối với trường hợp “bị xử lý về hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế” có phạm vi rất rộng. Đại lý hải quan trong quá trình thực hiện nghiệp vụ hải quan thường gặp rất nhiều sai sót dẫn đến vi phạm trong hoạt động khai hải quan. Đối với danh mục hành vi bị coi là buôn lậu, gian lận thương mại và trốn thuế theo Thông tư số 07/2017/TT-BTC ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính quy định 72 nhóm hành vi. Thực tiễn những vi phạm này nhiều hành vi với lỗi vô ý, chỉ bị xử lý vi phạm hành chính và rất phổ biến. Do đó, đề nghị rà soát để xác định rõ những hành vi vi phạm mà cơ quan hải quan thấy cần phải chấm dứt hoạt động của đại lý **(Cục ĐTCBL).** | - Tiếp thu, rà soát lại danh mục hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế |
| - Đề nghị sửa đổi tiết a.3 điểm 2 như sau: “Đại lý làm thủ tục hải quan không phát sinh hợp đồng đại lý với chủ hàng trong vòng 01 năm kể từ khi có Quyết định công nhận đại lý làm thủ tục hải quan”. **(Cục HQ TP.Đà Nẵng).** | - Cục GSQL sẽ nghiên cứu thêm (do kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp; do thị trường khách hàng) |
| **-** Tại tiết a.7 điểm 2 như sau: *“Đại lý làm thủ tục hải quan* ***~~chấm đứt hoạt động~~****, giải thể, phá sản,* ***~~tạm dừng hoạt động~~****”.***(Vụ pháp chế)** | - Đề nghị Vụ Pháp chế có ý kiến tham gia thêm để giải quyết đối với một số trường hợp doanh nghiệp có mã số thuế trong tình trạng “tạm dừng hoạt động”, “chấm dứt hoạt động” trên trang thông tin của cơ quan thuế. |
| **6. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:**  “1. Đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, gồm:  a) Đơn đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số***01*** ban hành kèm Thông tư này: 01 bản chính;  b) Bằng tốt nghiệp cao đẳng ***trở lên*** thuộc các chuyên ngành luật, kinh tế, kỹ thuật: 01 bản chụp;  c) Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan: 01 bản chụp;  d) ***Trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa hoàn thành và đưa vào vận hành thì cung cấp 01 bản chụp*** Chứng minh nhân dân***hoặc căn cước công dân***;  ***đ) Hợp đồng lao động: 01 bản chụp;***  đ) Một (01) ảnh 2x3.  Các chứng từ bản chụp do giám đốc đại lý làm thủ tục hải quan ký tên, đóng dấu xác nhận hoặc ***do cơ quan có thẩm quyền công chứng hoặc chứng thực***. |  |  |
| 2. Hồ sơ đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được gửi đến Tổng cục Hải quan. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 08 ban hành kèm Thông tư này.  Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trùng với ***số định danh cá nhân hoặc***số chứng minh nhân dân ***hoặc số căn cước công dân***của người được cấp và có giá trị trong thời hạn ***không quá*** 03 năm kể từ ngày cấp.***Hết thời hạn, để tiếp tục làm nhân viên đại lý hải quan thì thực hiện thủ tục gia hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 12/2015/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung tại khoản này. Trường hợp không thực hiện thủ tục gia hạn thì Tổng cục Hải quan sẽ thu hồi mã số theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 12/2015/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều này.*** |  |  |
| 3. Gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan  a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được gia hạn thời gian sử dụng mã số nếu đáp ứng các điều kiện sau:  a.1) Không thuộc các trường hợp bị thu hồi mã số theo quy định tại Điều 10 Thông tư này;  a.2) Tham gia tối thiểu 2/3 hoặc thời lượng tương đương 03 ngày các khóa đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật hải quan do cơ quan hải quan (Tổng cục Hải quan và hải quan các cấp) và đơn vị được cơ quan hải quan cử cán bộ tham gia giới thiệu trong thời gian mã số nhân viên có hiệu lực.  b) Đại lý làm thủ tục hải quan ***lập hồ sơ đề nghị gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, gồm:*** văn bản đề nghị gia hạn mã số ***trong đó có ghi rõ số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân;01 bản chụp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật hải quan; 01 ảnh 2x3. Trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa hoàn thành và đưa vào vận hành thì cung cấp 01 bản chụp*** c***hứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân.***  c) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Hải quan thực hiện việc gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan. Thời gian gia hạn là ***không quá*** 03 năm kể từ ngày gia hạn. ***Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có thể thay đổi theo số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân còn thời hạn sử dụng tại thời điểm đề nghị gia hạn mã số.*** | -Tại khoản 6 Điều 1 Dự thảo Thông tư (sửa đổi, bổ sung Điều 9): điểm a.2 khoản 3 Điều 9 quy định “Tham gia tối thiểu 2/3 hoặc thời lượng tương đương 03 ngày các khóa đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật hải quan do cơ quan hải quan (Tổng cục Hải quan và hải quan các cấp) và đơn vị được cơ quan hải quan cử cán bộ tham gia giới thiệu trong thời gian mã số nhân viên có hiệu lực”. Đề nghị: Rút ngắn thời lượng tham gia các khóa đào tạo còn 01 ngày đồng thời bổ sung quy định các đơn vị có thẩm quyền được tổ chức và cấp chứng chỉ hoặc các chứng từ tương đương tại các khóa đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật hải quan. Công bố thông tin các khóa đào tạo này trên các phương tiện thông tin đại chúng để các đại lý làm thủ tục hải quan được biết. **(Cục HQ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).** | - Tiếp thu một phần; trường hợp TCHQ tổ chức khóa học sẽ thông báo rộng rãi để các doanh nghiệp biết, tham gia. |
|  | **-** Tại khoản 6 Điều 1 Dự thảo Thông tư (sửa đổi bổ sung Điều 9): tại điểm a.2, khoản 3 Điều 9: đề nghị sửa *“Trong thời gian mã số nhân viên có hiệu lực, hàng năm phải tham gia tối thiểu 2/3 hoặc tương đương 03 ngày các khóa đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật do cơ quan hải quan (Tổng cục Hải quan và hải quan các cấp) và đơn vị được cơ quan hải quan cử cán bộ tham gia giới thiệu”*. Hiện nay, các văn bản pháp luật về hải quan hoặc liên quan đến lĩnh vực hải quan có sự thay đổi hết sức nhanh chóng. Do vậy, nhân viên đại lý phải có sự cập nhật liên tục các văn bản pháp luật. Theo như quy định hiện hành, thì mã số nhân viên đại lý hải quan có giá trị trong vòng 03 năm. Như vậy, quy định, trong 03 năm mà nhân viên đại lý chỉ tham gia tối thiểu 2/3 hoặc thời lượng tương đương 03 ngày các khóa đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật là quá ít. Quy định như dự thảo sẽ dẫn đến tình trạng khi nào gần hết hiệu lực mã số của nhân viên thì tham gia 01 khóa đào tạo, cập nhật là vẫn đủ điều kiện cấp lại mã số. **(Vụ Thanh tra – Kiểm tra)** | - Không tiếp thu, do:  + Quy định tại Thông tư là “*tham giatối thiểu 2/3 hoặc thời lượng tương đương 03 ngày các khóa đào tạo*”;  + Để đáp ứng công việc thì các nhân viên đại lý hải quan phải thường xuyên cập nhật chính sách;  + Để tạo thuận lợi thương mại thì chính sách quản lý cần phải đáp ứng yêu cầu quản lý và có tính ổn định. |
|  | - Tại khoản 6 Điều 1 Dự thảo Thông tư (sửa đổi, bổ sung Điều 9) tại điểm a.2, khoản 3 Điều 9:  +Vướng mắc: Đơn vị cơ quan nào được TCHQ ủy quyền, cử cán bộ giới thiệu giảng dạy?  + Kiến nghị: Đề nghị TCHQ công khai các đơn vị được ủy quyền tổ chức các khóa học bổ sung kiến thức trên website của TCHQ. Các đơn vị được ủy quyền nên được phân bổ cho các cơ quan, đơn vị tại địa phương thay vì tập trung tại các thành phố lớn để giảm chi phí thời gian đi lại cho doanh nghiệp. **(Công ty TNHH Mascot Việt Nam)** | * Không tiếp thu. Việc quy định cụ thể các đơn vị, tổ chức mà cơ quan hải quan phối hợp sẽ tạo ra lợi ích nhóm. Để đảm bảo minh bạch, trên cơ sở kế hoạch của các đơn vị đủ chức năng và kế hoạch của Tổng cục, Tổng cục sẽ xem xét việc tổ chức hoặc phối hợp cử cán bộ tham gia giảng dạy tại các khóa đào tạo. |
|  | - Tại khoản 6 Điều 1 Dự thảo Thông tư (sửa đổi, bổ sung Điều 9): tại khoản 3 Điều 9 cần quy định rõ có giới hạn số lần gia hạn mã số nhân viên đại lý hay không? **(Cục HQ tỉnh Khánh Hòa)** | * Không tiếp thu vì không quy định giới hạn số lần gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan. |
|  | **-** Tại khoản 6 Điều 1 Dự thảo Thông tư (sửa đổi, bổ sung Điều 9): Đề nghị sửa đổi tiết a.2, điểm 3: *“Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan tự cập nhật kiến thức pháp luật hải quan thì được gia hạn mã số nhân viên đại lý”.***(Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Quốc tế Đà Nẵng)** | - Không tiếp thu, do không có cơ sở để xác định việc tự cập nhật kiến thức của nhân viên Đại lý hải quan là đầy đủ, kiến thức cập nhật là chính xác trong trường hợp quy định nhân viên tự cập nhật kiến thức. |
|  | **-** Tại khoản 6 Điều 1 Dự thảo Thông tư (sửa đổi, bổ sung Điều 9): tại điểm b khoản 3 Điều 9 về hồ sơ đề nghị gia hạn mã số nhân viên: “…01 bản chụp giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật hải quan…”. Theo mẫu số 02 giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật hải quan thì **Nơi nhận là: - Người dự thi; Lưu: HĐT**. Cần chỉnh sửa lại nơi nhận cho đúng với nội dung của giấy chứng nhận.**(Vụ Thanh tra – Kiểm tra)** | - Tiếp thu, sửa đổi tại dự thảo. |
|  | - Tại khoản 6 Điều 1 (Sửa đổi, bổ sung Điều 9): Tại điểm b khoản 3đề nghị sửa đổi: “Đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan gồm: văn bản đề nghị gia hạn mã số trong đó có ghi rõ số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân; 01 ảnh 2x3…” **(Công ty TNHH Thương mại và Giao nhận Quốc tế Đà Nẵng)** | - Không tiếp thu. Để phù hợp với quy định tại điểm a.2 thì cần phải nộp bản chụp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức làm cơ sở xem xét. |
|  | 4. Cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan  ***a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan còn thời hạn sử dụng trong trường hợp:***  ***a.1) Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị mất và được đại lý làm thủ tục hải quan xác nhận bằng văn bản;***  ***a.2) Đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi tên đăng ký kinh doanh;***  ***a.3) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công công dân;***  ***b)Đại lý làm thủ tục hải quan lập hồ sơ đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, gồm: văn bản đề nghị cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có ghi số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân và 01 ảnh 2x3. Trường hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa hoàn thành và đưa vào vận hành thì cung cấp 01 bản chụp*** c***hứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân.***  ***c) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Hải quan xem xét cấp lại mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan. Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có thể thay đổi theo số dịnh danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân còn thời hạn sử dụng tại thời điểm đề nghị cấp lại mã số.”*** |  |  |
|  | ***5. Khi thay đổi tên đại lý làm thủ tục hải quan; khi thay đổi số định danh cá nhân hoặcsố chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân của các nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý làm thủ tục hải quan có công văn đề nghị cấp đổi thẻ nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp đã được cấp.***” |  |  |
|  | **7. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:**  “1. Tổng cục Hải quan ***thực hiện***thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đã cấp trong các trường hợp sau:  a) ***Bị xử lý*** hành vi vi phạm các quy định của pháp luật đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;  b) ***Bị xử lý đối với*** hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia các hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế hoặc hối lộ cán bộ, công chức hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan;  c) Cho người khác sử dụng mã số của mình hoặc sử dụng mã số của người khác hoặc sử dụng mã số không phải do Tổng cục Hải quan cấp để làm thủ tục hải quan; hoặc ***cho người khác sử dụng hồ sơ của mình để thực hiện thủ tục công nhận đại lý làm thủ tục hải quan hoặc cấp mã nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;***  d) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan chuyển làm việc khác hoặc chuyển sang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan khác;  đ) Đại lý làm thủ tục hải quan bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động;  e) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan sử dụng mã số đã hết thời hạn hiệu lực để làm thủ tục hải quan.  2. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị thu hồi mã số thuộc các trường hợp a, b, c, ***e*** khoản 1 Điều này sẽ không được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bị thu hồi. Trong thời gian không được hành nghề, nếu người bị thu hồi đứng tên thành lập doanh nghiệp thì doanh nghiệp này sẽ không được công nhận là đại lý làm thủ tục hải quan.  Hết thời hạn nêu trên, nếu người bị thu hồi muốn được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thì phải trải qua kỳ thi và được cấp lại Chứng chỉ nghiệp vụ hải quan và thực hiện thủ tục cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.” |  |  |
|  | **8. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 13 như sau:**  “9. Đại lý làm thủ tục hải quan có trách nhiệm:  a) Định kỳ vào ngày 05 của tháng đầu quý sau, báo cáo tình hình hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 10 ban hành kèm Thông tư này gửi Cục Hải quan tỉnh, thành phố ***trên địa bàn đăng ký kinh doanh*** hoặc các thông tin cần thiết khác phục vụ cho hoạt động quản lý hải quan khi được cơ quan hải quan yêu cầu bằng văn bản. ***Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan không báo cáo đúng thời hạn quy định sẽ bị xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan và các văn bản sửa đổi có liên quan, được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ.***  b) Báo cáo, đề nghị Tổng cục Hải quan thực hiện việc thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày phát sinh.” | - Tại khoản 8 Điều 1 dự thảo Thông tư (sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 13) cần bổ sung thêm nội dung: *“Thông báo với Cục Hải quan tỉnh, thành phố trên địa bàn đăng ký kinh doanh hợp đồng đại lý làm thủ tục hải quan ký kết với chủ hàng hoặc các lô hàng do đại lý làm thủ tục hải quan đứng tên khai hải quan.”* Lý do: để Cục Hải quan tỉnh, thành phố theo dõi việc chấp hành pháp luật và các quy định được ủy quyền theo hợp đồng đại lý.**(Cục HQ Hà Nam Ninh)** | Không tiếp thu, Hợp đồng đại lý của doanh nghiệp có nội dung bí mật kinh doanh. Do vậy, doanh nghiệp chỉ xuất trình/ nộp cho cơ quan hải quan khi phát sinh mới hoặc khi xác định hành vi vi phạm theo quy định tại khaonr 2 Điều 5 Thông tưu số 12/2015/TT-BTC được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Thông tư này. |
|  | -Tại khoản 8 Điều 1 dự thảo Thông tư (Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 13) về trách nhiệm của Đại lý làm thủ tục hải quan cần sửa như sau: *“a)… Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan không báo cáo đúng thời hạn quy định và báo cáo bằng văn bản khi được cơ quan hải quan yêu cầu sẽ bị xử phạt theo quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan”*. Lý do: quy định như vậy nhằm hạn chế tránh phải sửa đổi, bổ sung khi quy định tại Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 và Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ có quy định điều chỉnh xử phạt hành vi này. **(Cục HQ Hà Nam Ninh)** | - Tiếp thu một phần. |
|  | **-** Tại khoản 8 Điều 1 dự thảo Thông tư (Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 13): Đề nghị không dẫn chiếu cụ thể hành vi, chỉ quy định mang tính nguyên tắc chung. Ngoài ra trong thời gian tới Vụ Pháp chế sẽ sửa đổi Nghị định 127/2013/NĐ-CP và Nghị định 45/2016/NĐ-CP cho phù hợp với Nghị định 59/2018/NĐ-CP và Thông tư số 39/TT/BTC mới. **(Vụ Pháp chế)** | Tiếp thu, sửa đổi tại dự thảo |
|  | **-** Tại điểm b, Khoản 9 Điều 13 Thông tư số 12/2015/TT-BTC: Đề nghị sửa lại như sau: *“Báo cáo, đề nghị Tổng cục Hải quan thực hiện việc thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan khi phát hiện vi phạm được nêu tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này”***(Cục HQ tỉnh Lào Cai)** | - Tiếp thu, sửa đổi tại dự thảo. |
|  | **9. Bổ sung khoản 5 vào Điều 14 như sau:**  ***“5. Cử người đại diện khi làm thủ tục hải quan và các thủ tục hành chính trực tiếp với cơ quan hải quan; người đại diện phải là người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 3 bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13. Trường hợp thực hiện thủ tục qua đại lý hải quan thì đại lý hải quan thay mặt chủ hàng để thực hiện các công việc theo hợp đồng dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan đã ký giữa đại lý làm thủ tục hải quan và chủ hàng.”*** |  |  |
|  | **10. Sửa đổi, bổ sung mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2015/TT-BTC theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.** |  |  |
|  | **Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp**  Đại lý làm thủ tục hải quan đã được công nhận đủ điều kiện hoạt động và nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đã được cấp mã số nhân viên theo quy định tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC được tiếp tục hoạt động và thực hiện theo quy định tại Thông tư này. |  |  |
|  | **Điều 3. Tổ chức thực hiện**  1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày …./…./2019.  2. Cơ quan hải quan các cấp chịu trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn nội dung Thông tư này tới chủ hàng và đại lý làm thủ tục hải quan trên địa bàn quản lý.  3. Tổ chức, cá nhân, đại lý làm thủ tục hải quan thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Thông tư này.  Quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Tài chính (qua Tổng cục Hải quan) để tổng hợp và hướng dẫn xử lý./. |  |  |
| **1** | **Đối với Biểu mẫu** | - Tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 12/2015/TT-BTC chỉ bổ sung thêm 02 biểu mẫu mới (Đơn đề nghị công nhận đại lý làm thủ tục hải quan và Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, cập nhật, bổ sung kiến thức hải quan), vì vậy tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 1 đề nghị sửa lại phần trích dẫn ***“theo mẫu… ban hành kèm theo Thông tư 12/2015/TT-BTC”*** cho phù hợp. **(Cục HQ tỉnh Quảng Bình).** | - Tiếp thu, sửa đổi tại dự thảo. |
| **-**Tại phần danh mục các biểu mẫu, đề nghị sửa lại tên của mẫu số 01 như sau: ***“Đơn đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan”*** cho phù hợp nội dung tại điểm 1 khoản 6 và khoản 10 Điều 1. **(Cục HQ tỉnh Quảng Bình)** | - Tiếp thu, sửa đổi tại dự thảo. |
| **1** | **Ý kiến khác** | -Tại khoản 5 Điều 15 Thông tư số 12/2015/TT-BTC quy định “áp dụng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan đối với các đại lý hải quan có quy mô tổ chức ổn định, có hệ thống cung cấp dịch vụ toàn cầu, có cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc, trang thiết bị hạ tầng phục vụ cho hoạt động giao nhận, kho vận, logistics”; tuy nhiên, các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên tại khoản 4 Điều 15 Thông số 12/2015/TT-BTC không thống nhất với điều kiện áp dụng cho đại lý ưu tiên tại Chương III Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/05/2015 của Bộ Tài chính. Do đó, đề nghị quy định thống nhất điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên giữa Thông tư số 72/2015/TT-BTC và Thông tư số 12/2015/TT-BTC. **(Cục QLRR)** | - Nội dung quy định điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên đối với đại lý hải quan ưu tiên (doannh nghiệp ưu tiên) được thực hiện theo quy định tại thông tư 72/2015/TT-BTC |
| - Đề nghị xây dựng phần mềm quản lý đại lý hải quan, với các tính năng để cập nhật, tra cứu, báo cáo Thông tin về đại lý làm thủ tục hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan. Theo dõi, báo cáo tình hình hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. **(Cục HQ TP.Hà Nội)** | - Tiếp thu, nghiên cứu, triển khai sau khi thông tư có hiệu lực. |
| - Cần rà soát lại lỗi chính tả. **(Vụ Thanh tra – Kiểm tra)** | - Tiếp thu. |
| - Theo hướng dẫn tại Công văn số 8427/TCHQ-GSQL ngày 16/09/2015 Cục Hải quan tỉnh, thành phố tổ chức kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý về điều kiện hoạt động của doanh nghiệp (tối đa 01 lần/năm đối với 01 doanh nghiệp). Đề nghị làm rõ quy trình, thời hạn kiểm tra tại Khoản 8 Điều 15 Thông tư 12/2015/TT-BTC để cơ quan hải quan có cơ sở pháp lý rõ ràng khi Quyết định kiểm tra. **(Cục HQ TP.Đà Nẵng)** | - Không tiếp thu vì nội dung quy định kiểm tra đã được quy định khoản 1 khoản 8 Điều 15 Thông tư 12/2015/TT-BTC |
| **Đối với dự thảo Tờ trình** | - Dự thảo tờ trình có 02 mục IV, đề nghị sửa lại cho chính xác. **(Vụ Pháp chế)**  **-** Tại điểm 6 Mục 4 Dự thảo tờ trình có nội dung bổ sung quy định cụ thể cơ chế ưu tiên cho đại lý hải quan theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Thông tư số 12/2015/TT-BTC nhưng tại Dự thảo Thông tư sửa đổi chưa quy định nội dung này, đề nghị xem xét bổ sung cho phù hợp **(Vụ Pháp chế)** | - Tiếp thu |
|  | - Tại Chương III Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12/05/2015 của Bộ Tài chính quy định về điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên của Đại lý ưu tiên. Theo đó các ĐLHQ được áp dụng cơ chế ưu tiên trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan phải đảm bảo điều kiện để được công nhận là Đại lý ưu tiên. Tuy nhiên, Khoản 4 Điều 15 Thông tư 12/2015/TT-BTC quy định: *“…áp dụng cơ chế ưu tiên về thủ tục hải quan đối với các đại lý hải quan có quy mô tổ chức ổn định, có hệ thống cung cấp dịch vụ toàn cầu, có cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc, trang thiết bị hạ tầng phục vụ cho hoạt động giao nhận, kho vận, logistic”*. Đề nghị làm rõ nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 15 Thông tư 12/2015/TT-BTC để thống nhất giữa 2 Thông tư, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các ĐLHQ. Đề xuất: Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 15 Thông tư 12/2015/TT-BTC như sau: *“…, áp dụng cơ chế ưu tiên về thủ tục hải quan đối với các đại lý làm thủ tục hải quan được công nhận là đại lý ưu tiên theo quy định tại Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/05/2015”***(Cục Hải quan TP.Đà Nẵng)** |  |